

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 11 - 2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn.

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị L, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã X, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh D, sinh năm: 1972 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã X, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường cự cãi nhau, về mặt tình cảm anh D nghi ngờ chị thiếu chung thủy. Đầu tháng 7/2022, chị bỏ đi sống ly thân với anh D cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cuộc sống của ai người đó lo, không có liên hệ với nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có một người con chung là cháu Lâm Văn F sinh ngày 25/3/2005, do chị nuôi dưỡng.

Chị L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh D, nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Về con: Chị và anh D không tranh chấp việc nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu F. Về tài sản và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản Tòa án làm việc ngày 12/10/2022 và bản tự khai, anh Lâm Thanh D là bị đơn trình bày:

Anh và chị L không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, cách đây khoảng 03 tháng thì chị L vô cớ bỏ nhà đi, anh không có hành vi xúc phạm đến chị L. Trường hợp chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về tài sản (căn nhà gắn liền với thửa đất), anh sẽ để lại cho con, với điều kiện cháu F về chung sống với anh và anh sẽ lo cho cháu F đi học đàng hoàng và các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên anh đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh D tự nguyện kết hôn 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh D nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Mặc dù, theo biên bản Tòa án làm việc với anh D, anh xác định anh và chị L không có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhưng theo bản tự khai anh có ý kiến nếu chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Điều này cho thấy hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh D.

Về con: Chị L và anh D có một người con chung là cháu Lâm Văn F, sinh ngày 25/3/2005, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét; đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị L nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu F.

Về tài sản và nợ: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Thanh D, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lâm Thanh D là bị đơn cư trú tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị L và anh D kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện X3, tỉnh Cà Mau (nơi cư trú của chị L trước đây) nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống,

cuộc sống thường cự cãi nhau, về mặt tình cảm anh D nghi ngờ chị thiếu chung thủy. Tháng 7/2022, chị L và anh D tự chấm dứt quan hệ vợ chồng với nhau cho đến nay, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không có liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị L và anh D đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị L và anh D nhưng không đạt kết quả do anh D vắng mặt, chị L xác định không còn tình cảm với anh D nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tuy anh D xác định giữa anh và chị L không có mâu thuẫn trầm trọng nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của anh D và chị L đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh D.

Về con: Chị L và anh D có một người con chung là cháu cháu Lâm Văn F, sinh ngày 25/3/2005. Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu F, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu F. Trường hợp, chị L và anh D có tranh chấp về việc nuôi con chung sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị L đối với anh Lâm Thanh D.

2. Về con: Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị L nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Văn F, sinh ngày 25/3/2005. Trường hợp, chị L và anh D có tranh chấp về việc nuôi con chung sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008268 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang; chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/11/2022); anh Lâm Thanh D có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKS ND huyện R;
- THA huyện R;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát